TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2024.
"V/v: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Bà Trần Thị Chín.
2. Ông Phạm Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà*:** Bà Trịnh Thị Tâm.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ B, sinh năm 1973. (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Chu Thị L, sinh năm 1975. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ B trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Chu Thị L tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 1996, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong cuộc sống hàng ngày ông và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do cách ứng xử mỗi người mỗi khác, cách nuôi dạy con cái, bà L hay đưa ra thông tin sai sự

thật về việc ông có tình cảm với người khác, quản lý chi tiêu trong gia đình sai sự thật. Từ đó vợ chồng thiếu sự thông cảm, chia sẻ mà thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ khoảng đầu năm 2022 ông và bà L đã sống ly thân cho đến nay. Ông vào trong rẫy ở, còn bà L với các con sống ở nhà chung đã tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình sống ly thân ông và bà L không hàn gắn tình cảm. Ông nhận thấy không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với bà L. Vì vậy, khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà L để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung là Hồ Thị Mỹ U, sinh ngày 26/7/1997; Hồ Mỹ H, sinh ngày 15/5/2006 và Hồ Phúc Â, sinh ngày 24/8/2011. Ông có nguyện vọng để bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Mỹ H và Hồ Phúc Â không không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên tự thỏa thuận. Đối với con chung Hồ Thị Mỹ U đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Ông và bà L có tài sản chung và nợ chung, nhưng hiện nay tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Chu Thị L quá trình giải quyết vụ án trình bày đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn theo quy định; con chung Hồ Thị Mỹ D đã học xong đại học, Hồ Thị Mỹ H1 đang chuẩn bị thi đại học, Hồ Phúc Â cũng đang học, bà có nguyện vọng nuôi các con không cần cấp dưỡng. Tuy nhiên, bà từ chối ký biên bản ghi lời khai và các biên bản giao nhận, từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án.*

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có ý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của ông Hồ B:

Hội đồng xét xử thấy các bên tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/5/1996. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn: Các bên xác nhận trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân do không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình, thiếu sự tin tưởng, thông cảm nên xảy ra cãi vã, xô xát và đã sống ly thân trong thời gian dài. Các bên đều có nguyện

vọng chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa ông B và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự thể hiện có 03 con chung là Hồ Thị Mỹ U, sinh ngày 26/7/1997; Hồ Mỹ H1, sinh ngày 15/5/2006 và Hồ Phúc Â, sinh ngày 24/8/2011.

Quá trình giải quyết ông B có nguyện vọng để bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Mỹ H1 và Hồ Phúc Â. Phía bà L hiện nay trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không có ý kiến yêu cầu gì. Các con chung đang chung sống với bà L cũng từ chối để Tòa án thu thập ý kiến. Tại thời điểm làm đơn khởi kiện con chung Hồ Mỹ H1, sinh ngày 15/5/2006 chưa thành niên, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã thành niên, các bên cũng không ai có ý kiến yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Vì vậy, cần thiết giao con chung Hồ Phúc Â cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp. Các bên không không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Hồ Thị Mỹ U, Hồ Mỹ H1 đã thành niên, các bên cũng không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Bi đối với bị đơn Chu Thị L; ông Hồ B được ly hôn với bà Chu Thị L (*Theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 08/5/1996 của* Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

2. Về con chung: Giao con chung Hồ Phúc Â, sinh ngày 24/8/2011 cho bà Chu Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Hồ B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009035 ngày 31/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã Quảng Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình